TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 03- 4 -2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Ngọc Thắng**
2. Ông **Vũ Văn Công**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Vũ Minh Tiến** - là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng** tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Duy Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nai T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn K, xã Q, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Cil L, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn K, xã Q, tỉnh L.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 11 năm 2025, ngày 31/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nai T trình bày:

Chị và anh Cil L yêu thương và tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống thực tế với nhau từ năm 2000. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh Cil L không chịu chăm lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu say xỉn. Khi say xỉn thường chửi bới chị, thỉnh thoảng còn đánh đập hoặc đe dọa chị, vì thế chị ngán ngẩm không muốn đăng ký kết hôn mà cứ ở vậy. Vào năm 2023 chị cần tiền lo cho con cái ăn học phải vay ngân hàng nhưng ngân hàng yêu cầu phải có vợ chồng ký giấy vay thì mới cho vay, vì vậy lúc đó chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị và anh Cil L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh L (nay là xã Q) vào ngày 17/04/2023.

Sau khi đăng ký kết hôn không những anh Cil L không thay đổi mà ngày càng tệ hơn, nhậu nhẹt, quậy phá và có biểu hiện bị hoang tưởng.

Chị đề cập đến vấn đề ly hôn thì anh cũng không có biểu hiện thay đổi, vẫn chứng nào tật đó.

Chị thấy chị đã chịu đựng ngần ấy thời gian là quá đủ. Chị không muốn phải chịu đựng thêm nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Cil L.

- Về con chung*:*

Chị Nai T xác nhận vợ chồng có 03 con chung, tên Pơ Jum Nai R, sinh ngày: 16/9/2000; Pơ Jum Nai N2, sinh ngày: 13/10/2002 và Pơ Jum Tô N, sinh ngày: 06/11/2011. Hiện 02 cháu P Jum Nai Rô Mi, Pơ Jum Nai N2 đã đủ tuổi trưởng thành và có công việc, thu nhập riêng. Cháu Pơ Jum Tô N hiện đang học lớp 8 trường THCS K, đang ở với chị và anh Cil L.

Ly hôn chị Nai T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Pơ Jum Tô N, không yêu cầu anh Cil L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nai T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Cil L đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Cil L vắng mặt, vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nai T và anh Cil L được ly hôn; về con chung: Giao cháu P Jum Tô N cho chị N1 Thêm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Cil L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị Nai T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Nai T và anh Cil L. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Q nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1

Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn anh Cil L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Nai T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nai T, anh C Lim theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nai T và anh Cil L đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh L, nay là xã Q, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 17/4/2023, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nai T và anh Cil L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Nai T thì vợ chồng mâu thuẫn từ trong quá trình chung sống khi chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2023 do cần vay ngân hàng để lo cho gia đình, con cái, ngân hàng yêu cầu chữ ký của hai vợ chồng nên chị mới đăng ký kết hôn. Từ sau khi đăng ký kết hôn những mâu thuẫn từ trước đến nay vẫn không thay đổi và ngày càng tệ hơn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Cil L không chịu chăm lo làm ăn để lo cho gia đình mà thường xuyên uống rượu quậy phá trong gia đình, chởi bới vợ con, có khi còn đánh vợ con. Chị đã khuyên nhủ anh sửa đổi và cho anh rất nhiều cơ hội để sửa đổi bản thân nhưng anh vẫn không thay đổi.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con của chị Nai T và anh Cil L. Theo cháu P Jum Tô N và cháu Pơ Jum Nai N2 thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị Nai T và anh Cil L là do anh Cil L thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nai T và anh Cil L là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn. Phía anh Cil L, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng anh không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N1 Thêm thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, không quan tâm, không tác động, níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nai T, cho chị Nai T và Cil L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nai T xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên tên Pơ Jum Nai R, sinh ngày: 16/9/2000; Pơ Jum Nai N2, sinh ngày: 13/10/2002 và Pơ Jum Tô N, sinh ngày: 06/11/2011. Hiện 02 cháu P Jum Nai Rô M, Pơ Jum Nai N2 đã đủ tuổi trưởng thành và có công việc, thu nhập riêng. Cháu Pơ Jum Tô N hiện đang học lớp 8 trường THCS K, đang ở với chị và anh Cil L.

Quá trình giải quyết vụ án chị N1 Thêm yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Pơ Jum Tô N, không yêu cầu anh Cil L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Pơ Jum Nai R, sinh năm: 2000 và Pơ Jum Nai N2, sinh năm 2002, hiện đã trên 18 tuổi. Trong giấy khai sinh không thể hiện tên cha của hai người này. Theo chị Nai T thì 03 người (Pơ Jum Nai R, Pơ J, Pơ J) đều là con chung của chị Nai T và anh Cil L. Nay cháu P Jum Nai Rô M và cháu P Jum Nai N2 đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với cháu Pơ Jum Tô N đang được chị Nai T và anh Cil L trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Pơ Jum Tô N có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo chị Nai T và con gái (Pơ Jum Nai N2) trình bày, chị Nai T hiện có nhà ở, có công việc và thu nhập ổn định. Phía anh Cil L không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày về vấn đề nuôi con, giải quyết con chung cũng như không có yêu cầu nuôi con. Về phần chị N1 Thêm không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Pơ Jum Tô N cho chị Nai T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nai T không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc anh Cil L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nai T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Nai T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Cil L không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nai T đối với bị đơn anh Cil L.

Cho chị Nai T và anh Cil L được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh L, nay là xã Q, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Pơ Jum Tô N, sinh ngày 06/11/2011 cho chị Nai T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Cil L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Buộc chị Nai T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Nai T đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0011786 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Nai T đã nộp đủ án phí. Anh Cil L không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 2
MGI030426.TL.QDBA
1052

Lê Thị Phúc